

Bản án số: 81/2020/HS-ST

Ngày : 26/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên;

2/ Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triệu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thị Mộng H, sinh năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: đường N, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1958 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1959 (chết); có con là Nguyễn Hoàng Hảo N, sinh năm 2008; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 09/01/2020, có mặt.

2/ Đặng Thị Kiều Tr, sinh năm 1990 tại Trà Vinh; hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Chỗ ở: Ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Ph, sinh năm: 1967 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1967; có con là Đặng Minh Kh, 10 tuổi; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/9/2015 bị bắt đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng, bị bắt, tạm giam ngày 09/01/2020, có mặt.

* Người làm chứng:

1/ Nguyễn Ngọc S, sinh năm: 1999 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố 10, phường T, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1989 (vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: tổ 28, phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở: Ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bùi Mạnh H1, sinh năm: 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Lâm Hoàng Th, sinh năm: 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện H. Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Đỗ Ngọc H2, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 00 phút ngày 09/01/2020 tại ấp Đ, xã T, huyện H, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện H và Công an xã T bắt quả tang Nguyễn Thị Mộng H và Đặng Thị Kiều Tr có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ của Tr 01 túi da màu đen bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (qua giám định là MA, có khối lượng 4,9872 gam), 01 cân tiểu ly và 01 sổ bịch nylon bên trong không có gì. Thu giữ của H 01 túi da màu trắng bên trong có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu (qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine, có khối lượng 1,1192gam) và 01 gói nylon chứa 10 viên nén hình tròn (qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine, có khối lượng 3,5907 gam), 01 hộp giấy chứa 01 gói nylon chứa chất bột màu xanh (qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine, có khối lượng 2,6520gam) và 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, có khối lượng 4,2900 gam), 02 quẹt gas, 01 lon giấy chứa ống hút nhựa cùng một sổ bịch nylon, 01 hộp giấy chứa 01 quẹt gas, 03 vỏ thủy tinh, 01 đoạn ống hút nhựa cắt nhọn 01 đầu, cùng bị bắt trong phòng lúc này còn có Bùi Mạnh H1, Nguyễn Tiến D và Nguyễn Ngọc S là bạn của H và Tr đến chơi đưa về trụ sở làm việc. Sau đó Công an tiến hành khám xét nơi ở của H thu giữ 01 bình thủy tinh dùng hút ma túy đá (bên trong không chứa gì).

Tại Cơ quan điều tra, H và Tr khai nhận: Ma túy bị thu giữ dùng để sử dụng cho bản thân. Ma túy của H do tên B (không rõ lai lịch) đưa cho H thay

tiền công H làm tranh đá cho B. Tr mua ma túy trên của C (không rõ lai lịch) vào ngày 08/01/2020 với giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tại ngã tư Nước Đá thuộc xã T, huyện H. Khi mua C giao cho Tr túi da màu đen, bên trong có 01 gói ma túy đá, 01 cân tiểu ly và 01 số bịch nylon bên trong không có gì. Sau đó Tr đến nhà H sử dụng ma túy với H xong đi công chuyện cùng D vừa về đến thì bị Công an huyện H phát hiện bắt quả tang cùng tang vật như trên.

D, S khai nhận đến phòng trọ của H chơi nhưng chưa sử dụng ma túy thì bị mời về trụ sở Công an làm việc.

H1 khai đã sử dụng ma túy ở phòng trọ của H 02 lần vào năm 2018, lần này vừa đến chơi thì bị mời về trụ sở Công an làm việc.

Qua giám định tinh thể không màu thu giữ của Tr có khối lượng 4,9872 gam là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine.

Qua giám định tinh thể không màu, viên nén hình tròn màu xanh, màu đen, chất bột màu xanh thu giữ của Huyền có khối lượng 7,3619 gam ma túy ở thể rắn loại Ketamine và 4,2900 gam là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 82/CT-VKS-HS ngày 28/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mộng H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Đặng Thị Kiều Tr về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mộng H, Đặng Thị Kiều Tr phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mộng H từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Đặng Thị Kiều Tr từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy 03 gói ma túy đã niêm phong số vụ 182; 01 túi da nhỏ màu đen; 01 túi da nhỏ màu trắng; 01 bịch nylon nhỏ không chứa gì; 01 ống hút nhựa cắt nhọn 01 đầu; 01 lon giấy, 02 hộp giấy; 03 que gạt; 01 cây kéo kim loại màu trắng; 01 bình thủy tinh; 03 nỏ thủy tinh; 01 cân tiểu ly và 01 điện thoại di động hiệu Iphone Trung Quốc đã hư do là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, vật không có giá trị sử dụng.

Bị cáo Nguyễn Thị Mộng H và bị cáo Đặng Thị Kiều Tr thừa nhận hành vi như cáo trạng là đúng, không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo H và bị cáo Tr biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Mộng H và Đặng Thị Kiều Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và tại Cơ quan Điều tra đều thống nhất với nhau, phù hợp với kết luận giám định số 182/KLGD-H ngày 16/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Điều tra đã thu thập được. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/01/2020, qua công tác kiểm tra hành chính áp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện H và Công an xã T bắt quả tang Nguyễn Thị Mộng H cất giấu 7,3619 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine và 4,2900 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng; bắt quả tang Đặng Thị Kiều Tr cất giấu 4,9872 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng.

[3]. Hành vi tàng trữ chất ma túy của bị cáo Nguyễn Thị Mộng H và Đặng Thị Kiều Tr là nguy hiểm, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, tiếp tay cho hoạt động mua bán trái phép chất ma túy và là nguyên nhân gây nên các loại tội phạm khác qua đó đe dọa nghiêm trọng đến trật tự an ninh tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H và bị cáo Tr là người có đầy đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, muốn thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Đặng Thị Kiều Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mộng H và Đặng Thị Kiều Tr về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H và bị cáo Tr đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử xem đây là tình tiết để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[7]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm minh, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau:

- Đối với vật chứng là 03 gói ma túy đã niêm phong số vụ 182; 01 túi da nhỏ màu đen; 01 túi da nhỏ màu trắng; 01 bịch nylon nhỏ không chứa gì; 01 ống hút nhựa cắt nhọn 01 đầu; 01 lon giấy, 02 hộp giấy; 03 quẹt ga; 01 cây kéo kim loại màu trắng; 01 bình thủy tinh; 03 nỏ thủy tinh; 01 cân tiểu ly và 01 điện thoại di động hiệu Iphone Trung Quốc đã hư do là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

[9] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Mộng H khai nhận đã đổi tranh đá lấy ma túy của người tên B nhưng không rõ địa chỉ, bị cáo Đặng Thị Kiều Tr khai mua ma túy của người tên C nhưng cũng không rõ địa chỉ. Đề nghị Cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bùi Mạnh H1 khai có sử dụng ma túy tại phòng trọ của bị cáo H trước đây 02 lần vào năm 2018 nhưng H1 chỉ sử dụng ma túy một mình, ngoài lời khai của đối tượng thì không có chứng cứ nào khác chứng minh nên Cơ quan điều tra cũng như Viện kiểm sát nhân dân huyện H không xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mộng H và bị cáo Đặng Thị Kiều Tr phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mộng H: 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kiều Tr: 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 03 gói ma túy đã niêm phong số vụ 182, 01 túi da nhỏ màu đen, 01 túi da nhỏ màu trắng, 01 bọc nylon nhỏ không chứa gì, 01 ống hút nhựa cắt nhọn 01 đầu; 01 lon giấy, 02 hộp giấy, 03 quẹt ga, 01 cây kéo kim loại màu trắng, 01 bình thủy tinh, 03 vỏ thủy tinh, 01 cân tiểu ly và 01 điện thoại di động hiệu Iphone Trung Quốc đã hư do là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, vật không có giá trị sử dụng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa

án: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Những người tham gia tố tụng;
- Công an huyện H;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND phường 16, quận G;
- UBND xã T, huyện Đ;
- PC 53; Sở Tư pháp TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy